

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên**  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **LUẬT HỌC**

Chuyên ngành: **LUẬT HÌNH SỰ, LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ, TỘI PHẠM HỌC**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ LAN CHI**

2. Ngày tháng năm sinh: 04/04/1979; Nữ ; Nam;  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng B301-B1, Khu dự án nhà ở Cầu Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua bưu điện): Số 8, BT3 - X2, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 0243.540.0683; Điện thoại di động: 091.234.8333;

E-mail: lelanchi@vnu.edu.vn; lechilan@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 4 năm 2003 đến tháng 4 năm 2004: Giảng viên tập sự, Khoa Bồi dưỡng, Trường Đào tạo các chức danh tư pháp

- Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 11 năm 2006: Giảng viên, Khoa Đào tạo Kiểm sát viên, Học viện Tư pháp
- Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 8 năm 2011: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Kỹ năng Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, truy tố, Khoa Đào tạo Kiểm sát viên, Học viện Tư pháp
- Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 9 năm 2012: Giảng viên, Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Tư pháp
- Từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 10 năm 2013: Giảng viên, Phó trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, Học viện Tư pháp
- Từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 4 năm 2015: Giảng viên, Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, kiêm nhiệm Phó Trưởng bộ môn Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, truy tố (tháng 7 năm 2014), Học viện Tư pháp
- Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 2 năm 2017: Giảng viên Bộ môn Tư pháp hình sự, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Từ tháng 2 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019: Giảng viên Bộ môn Tư pháp hình sự, kiêm nhiệm Phụ trách Bộ phận Liên kết đào tạo quốc tế, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 11 năm 2022: Giảng viên Bộ môn Tư pháp hình sự, Phó Chủ nhiệm phụ trách Bộ môn, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Từ tháng 11 năm 2022 đến nay: Giảng viên, Chủ nhiệm Khoa Tư pháp hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm Khoa Tư pháp hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, Học viện Tư pháp

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà E1, 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3.754.7512

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

#### 9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 3 năm 2003; số văn bằng: B353472; ngành: Pháp luật Kinh tế và luật Quốc tế; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 8 năm 2003; số văn bằng: QC 018583; ngành: Tiếng Anh Sư phạm; nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: QM 000547; ngành: Luật học (chuyên ngành Luật hình sự); nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 11 năm 2011; số văn bằng: QT 000557; ngành: Luật học (chuyên ngành Luật hình sự); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Luật,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PHÓ GIÁO SƯ tại HĐGS ngành, liên ngành: LUẬT HỌC

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các hướng nghiên cứu chủ yếu trong lĩnh vực Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Tội phạm học:

- QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TƯ PHÁP HÌNH SỰ;
- CÁC CHỨC NĂNG CỦA TỐ TỤNG HÌNH SỰ.

14. **Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học**

**Kết quả đào tạo:**

- Đã hướng dẫn **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS (người hướng dẫn 2);
- Đã hướng dẫn **21** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.

**Kết quả nghiên cứu khoa học:**

- *Nhiệm vụ khoa học:*

Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm **04** đề tài cấp cơ sở; Đồng chủ nhiệm **01** đề tài cấp cơ sở; Tham gia nhiều đề tài NCKH khác.

- *Bài báo khoa học, Báo cáo khoa học:*

+ *Bài báo khoa học trên tạp chí:* đã công bố **28** bài, trong đó:

- **03** bài trên tạp chí quốc tế có uy tín (tác giả chính): 02 bài trên tạp chí xếp hạng Q1, 01 bài trên tạp chí xếp hạng Q2;
- **01** bài trên tạp chí quốc tế khác;
- **24** bài trên tạp chí khoa học uy tín trong nước được Hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm (21 bài là tác giả duy nhất và 03 bài là đồng tác giả).

+ *Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn trong sách kỷ yếu của hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia có mã số ISBN:* đã công bố **13** báo cáo, trong đó:

- **02** báo cáo (01 báo cáo là tác giả duy nhất; 01 báo cáo là tác giả chính) trong sách kỷ yếu hội thảo khoa học do Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản;
- **07** báo cáo (06 báo cáo là tác giả duy nhất, 01 báo cáo là tác giả chính) trong sách kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế do Nhà xuất bản trong nước có phản biện có mã số ISBN xuất bản;
- **04** báo cáo (03 báo cáo là tác giả duy nhất, 01 báo cáo là tác giả chính) trong sách kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia do Nhà xuất bản trong nước có phản biện có mã số ISBN xuất bản.

- *Chủ biên và biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, kỷ yếu hội thảo quốc tế:*  
Số lượng sách đã xuất bản **20** (trong đó 16 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín):

- **Sách chuyên khảo:** 01 sách chuyên khảo (tác giả duy nhất); 01 chương sách chuyên khảo do Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản; 01 chương sách chuyên khảo do Nhà xuất bản có uy tín trong nước xuất bản;
- **Giáo trình:** 01 giáo trình sau đại học (đồng chủ biên, tham gia viết chính); 01 giáo trình đại học (đồng chủ biên, tham gia viết chính); 01 giáo trình đại học (tham gia viết);

- **Sách tham khảo:** 01 sách tham khảo (đồng chủ biên, tham gia viết chính); 01 sách tham khảo (tham gia viết)
- **Sách tham khảo khác là kỹ yếu hội thảo:** 03 sách kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế có phản biện, xuất bản bằng tiếng Anh (thành viên Hội đồng chủ biên/Editor Board, tác giả báo cáo); 03 sách kỹ yếu hội thảo khoa học quốc gia có phản biện (thành viên Hội đồng chủ biên, tác giả báo cáo); 06 sách kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia (tác giả báo cáo);

(Trong số 20 sách đã xuất bản, có 12 sách kỹ yếu hội thảo khoa học mà ứng viên có 13 báo cáo khoa học in toàn văn, đã kê khai ở mục “Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn trong sách kỹ yếu của hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia có mã số ISBN”).

15. **Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp do có thành tích đột xuất trong công tác
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 04 năm

16. **Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

Không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Tôi tự đánh giá mình có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn về đạo đức của nhà giáo. Trong quá trình giảng dạy và tham gia các hoạt động đào tạo khác, tôi đã thực hiện công việc được giao một cách tận tâm, trách nhiệm, có tinh thần đổi mới, sáng tạo.

Ngoài ra, tôi còn thực hiện vai trò người tổ chức chính (phụ trách chuyên môn và kết nối các nguồn lực hợp tác quốc tế) triển khai nhiều chương trình góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng cho sinh viên, học viên như: Chương trình giao lưu học thuật hằng năm trong lĩnh vực tư pháp hình sự “Khoá học Mùa hè” cho giảng viên, người hành nghề luật và sinh viên luật giữa Việt Nam – CHLB Đức “*Summer School for lecturers, practitioners and students from Vietnam and Germany*” liên tục từ năm 2016 đến nay (Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Luật Hà Nội); Hội thảo quốc tế & Tập huấn chuyên sâu: “*Kỹ năng nghiên cứu và thúc đẩy công bố quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự và tội phạm học*” cho học viên cao học, nghiên cứu sinh và giảng viên trẻ của nhiều cơ sở đào tạo luật năm 2021 (Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì); Hội thảo, phiên toà giả định và diễn dã nhằm nâng cao kiến thức và ý thức pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã cho sinh viên các năm 2021, 2022, 2023 (Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Luật, Đại học Huế...).

### 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **20 năm 02 tháng**, với 12 năm (2003-2015) tham gia giảng dạy trong các chương trình đào tạo Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư tại Trường đào tạo các chức danh tư pháp và sau là Học viện Tư pháp (học viên là những người đã có bằng cử nhân Luật); 08 năm tham gia giảng dạy trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học (năm 2015 đến nay) tại Khoa Luật và sau là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học     | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*) |
|-----------------|-------------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|---|-----|--|
|                 |             | Chính                     | Phụ |                                    |   | ĐH  | SĐH |  |
| 1               | 2017 - 2018 |                           | 01  | 04                                 | 05                                      | 240                                       | 30  | 270/303.6/216  |
| 2               | 2018 - 2019 |                           | 01  | 03                                 | 01                                      | 225                                       | 90  | 315/417/202.5  |
| 3               | 2019 - 2020 |                           | 01  | 03                                 | 03                                      | 247.5                                     | 60  | 307.5/461.25/216   |
| 03 năm học cuối |             |                           |     |                                    |   |   |     |  |
| 4               | 2020 - 2021 |                           | 01  | 03                                 | 02                                      | 217.5                                     | 90  | 307.5/486.75/216   |
| 5               | 2021 - 2022 |                           |     | 03                                 | 02                                      | 210                                       | 30  | 240/318/216  |
| 6               | 2022 - 2023 |                           |     | 03                                 | 04                                      | 255                                       | 60  | 315/431.4/216  |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp: Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, số bằng: QC 018583; năm cấp: 2003

b) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (học phần Tiếng Anh pháp lý, các bài: Criminal Justice, Legal Profession)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác;  Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Trung tâm Biên – phiên dịch Quốc gia, Bộ Ngoại giao: “*Khoá đào tạo tiếng Anh phiên dịch cho công chức, viên chức Bộ Tư pháp*”, năm 2012

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn | Cơ sở đào tạo     | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|---------------------|-------------------|---|
|    |                      | NCS       | HVCH | Chính                 | Phụ |                     |                   |   |
| 1  | Hoàng Hương Thủy     | X         |      |                       | X   | 2015-2021           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 23/05/2022  |
| 2  | Nguyễn Thị Nhân      |           | X    | X                     |     | 2014-2016           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/01/2016  |
| 3  | Nguyễn Thị Yên       |           | X    | X                     |     | 2014-2016           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 14/03/2016  |
| 4  | Đình Sóng Hải        |           | X    | X                     |     | 2015-2016           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 14/12/2016  |
| 5  | Nguyễn Văn Cường     |           | X    | X                     |     | 2015-2016           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 14/12/2016  |
| 6  | Đàm Thị Hoàn         |           | X    | X                     |     | 2015-2017           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 24/03/2017  |
| 7  | Phạm Thị Lan Anh     |           | X    | X                     |     | 2015-2017           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 04/12/2017  |
| 8  | Nghiêm Thị Thanh Thư |           | X    | X                     |     | 2015-2017           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 17/01/2017  |
| 9  | Nguyễn Việt Đô       |           | X    | X                     |     | 2016-2018           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/01/2018  |
| 10 | Nguyễn Quang Hòa     |           | X    | X                     |     | 2016-2018           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/01/2018  |
| 11 | Nguyễn Đăng Lâm      |           | X    | X                     |     | 2016-2018           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/01/2018  |
| 12 | Nguyễn Nam Phong     |           | X    | X                     |     | 2016-2018           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 16/05/2018  |
| 13 | Hoàng Hải            |           | X    | X                     |     | 2017-2019           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 04/05/2019  |
| 14 | Nguyễn Trọng Hiền    |           | X    | X                     |     | 2017-2019           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 04/05/2019  |
| 15 | Bùi Ngọc Tuấn        |           | X    | X                     |     | 2017-2019           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 04/05/2019  |
| 16 | Hoàng Đình Duyên     |           | X    | X                     |     | 2018-2020           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/02/2020  |
| 18 | Phạm Thị Huyền       |           | X    | X                     |     | 2018-2020           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 25/02/2020  |
| 17 | Vũ Thị Diệu Ngọc     |           | X    | X                     |     | 2018-2021           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 05/02/2021  |
| 19 | Nguyễn Thị Anh Minh  |           | X    | X                     |     | 2019-2021           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 08/04/2021  |

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn | Cơ sở đào tạo     | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|---------------------|-------------------|---|
|    |                      | NCS       | HVCH | Chính                 | Phụ |                     |                   |   |
| 20 | Đỗ Trần Khánh        |           | X    | X                     |     | 2019-2021           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 11/10/2022  |
| 21 | Nguyễn Trọng Thắng   |           | X    | X                     |     | 2020-2022           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 08/07/2022  |
| 22 | Nguyễn Trọng Hiếu    |           | X    | X                     |     | 2021-2023           | Khoa Luật, ĐHQGHN | 04/01/2023  |

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                                    | Tên sách                                 | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                  | Số tác giả | Chủ biên                           | Phần biên soạn   | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|---------------------------------------|--|----------------------------|---|------------|------------------------------------|--|---|
| I                                     | Trước khi được công nhận TS              |                            |   |            |                                    |  |   |
| II                                    | Sau khi được công nhận TS                |                            |   |            |                                    |  |   |
| <b>Giáo trình</b>                     |  |                            |   |            |                                    |  |   |
| <i>Đồng chủ biên và tham gia viết</i> |  |                            |   |            |                                    |  |   |
| 1                                     | Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam | GT                         | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019<br>ISBN: 978-604-62-9375-0 | 8          | Nguyễn Ngọc Chí; <b>Lê Lan Chi</b> | <i>Lê Lan Chi</i> , Chương 10: Hồ sơ vụ án, thời hạn, chi phí tố tụng (Tr.294 - 310)<br>Chương 13: Truy tố (Tr.390 - 405)<br>Chương 19: Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Tr.527 - 545)<br>Chương 23: Các thủ tục đặc biệt khác (Tr.599 - 620) | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 2                                     | Giáo trình Khởi tố vụ án                 | GT                         | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023<br>ISBN: 978-604-342-708-0 | 2          | <b>Lê Lan Chi</b> ; Trần Thu Hạnh  | <i>Lê Lan Chi</i> , Chương 1: Khởi tố vụ án –  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng   |

| TT | Tên sách              | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn   | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|--|--|
|    | trong tổ tụng hình sự |                            |                              |            |          | <p>các tiếp cận theo mô hình tổ tụng hình sự (Tr.15-36);<br/>           Chương 2: Khởi tố vụ án và giai đoạn khởi tố vụ án trong tổ tụng hình sự Việt Nam (Tr.37-60);<br/>           Chương 3: Chủ thể khởi tố vụ án hình sự (Tr.61-81);<br/>           Chương 4: Quyền con người trong giai đoạn khởi tố vụ án (Tr.82-109);<br/>           Chương 8: Quan niệm và quy định về khởi tố vụ án trong lịch sử tổ tụng hình sự Việt Nam (Tr.171-198);<br/>           Chương 9: Khởi tố vụ án hình sự trong xu thế cải cách tư pháp và giao lưu pháp luật tại Việt Nam thời gian tới (Tr.199-215)<br/> <i>Lê Lan Chi, Trần Thu Hạnh,</i><br/>           Chương 5: Tiếp nhận, giải quyết</p> | <p>Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023</p>         |



| TT                      | Tên sách  | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                     | Số tác giả | Chủ biên          | Phần biên soạn   | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|-------------------------|---|----------------------------|--|------------|-------------------|--|---|
|                         |   |                            |  |            |                   | nguồn tin từ tội phạm (Tr.110-129); Chương 6: Các quyết định tố tụng trong giai đoạn khởi tố vụ án (Tr.130-148); Chương 7: Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố vụ án (Tr.149-169) |   |
| <i>Tham gia viết</i>    |   |                            |  |            |                   |  |   |
| 3                       | Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần các tội phạm - Quyền 1  | GT                         | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022<br>ISBN: 987-604-352-942-5    | 8          | Trịnh Quốc Toàn   | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương 3: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người mục I (Tr.77 - 93; mục IV (Tr.157 - 205)   | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| <i>Sách chuyên khảo</i> |   |                            |  |            |                   |  |   |
| <i>Chủ biên</i>         |   |                            |  |            |                   |  |   |
| 4                       | Bảo đảm quyền của nạn nhân tội phạm và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự - Từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật | CK                         | NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022<br>ISBN: 978-604-57-7866-1 | 01         | <b>Lê Lan Chi</b> |  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |

| TT                                      | Tên sách   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                     | Số tác giả | Chủ biên                                 | Phần biên soạn  | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|---|--|----------------------------|--|------------|--|---|---|
| <i>Tham gia viết</i>                    |  |                            |  |            |  |   |   |
| 5                                       | Правовые основы бизнеса в России и Вьетнаме - Cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh ở Nga và Việt Nam | CK                         | NXB. Статут, 2022<br>ISBN: 978-5-8354-1788-9                     | 19         | Alexander Molotnikov; Nguyễn Thị Quế Anh | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương:<br>УГОЛОВНАЯ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ за экономические преступления во Вьетнаме - Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm về kinh tế ở Việt Nam (Tr.397- 429)  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 6                                       | Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những vấn đề đặt ra đối với cải cách pháp luật Việt Nam             | CK                         | NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, 2018<br>ISBN: 978-604-57-4180-1 | 35         | Nguyễn Thị Quế Anh; Ngô Huy Cương        | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương: Trí tuệ nhân tạo và một số vấn đề đặt ra đối với tố tụng hình sự và thi hành án hình sự (Tr.226 -235)  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| <b>Sách tham khảo:</b>                  |  |                            |  |            |  |   |   |
| - <i>Đồng chủ biên và tham gia viết</i> |  |                            |  |            |  |   |   |
| 7                                       | Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Thực hiện từ 1/7/2016)                            | TK                         | NXB. Lao động, 2017  | 19         | Nguyễn Văn Huyền;<br><b>Lê Lan Chi</b>   | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương IX: Khởi tố vụ án hình sự (Tr.188-213);<br>Chương XV: Giám định và định giá tài sản (Tr.280-295),<br>Chương XVI: Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (Tr.295-301);<br>Chương XVIII: Những quy định chung (Tr.310-317);<br>Chương XIX: | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |

| TT              | Tên sách  | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                   | Số tác giả | Chủ biên                       | Phản biên soạn  | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|-----------------|---|----------------------------|--|------------|--------------------------------|---|---|
|                 |   |                            |  |            |                                | Quyết định việc truy tố bị can (Tr.318-327); Chương XXIII: Bản án, quyết định được thi hành ngay và thẩm quyền ra quyết định thi hành án (Tr.457-460); Chương XXIV: Một số thủ tục về thi hành án tử hình, xét tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích (Tr.460-469); Chương XXVIII: Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Tr.507-526) |   |
| - Tham gia viết |   |                            |  |            |                                |   |   |
| 8               | Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) – Tập 1 | TK                         | NXB. Hồng Đức, 2017<br>ISBN: 978-604-89-0585-9 | 26         | Lê Đăng Doanh;<br>Cao Thị Oanh | Lê Lan Chi,<br>Chương XVII:<br>Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Tr.332-345)  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |

| TT   | Tên sách   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản   | Số tác giả                         | Chủ biên   | Phần biên soạn  | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|--|--|----------------------------|--|------------------------------------|--|---|---|
| <b>Sách Kỹ yếu Hội thảo quốc tế có phần biện</b> |  |                            |  |                                    |  |   |   |
| 9  | The Assurance of Women's Human Rights in Criminal Justice (International Workshop Proceedings) |                            | National Political Publishing House, 2021<br>ISBN: 978-604-57-7140-2 | 19 báo cáo khoa học của 24 tác giả | Wu Guang Hong; Shruti Bedi; <b>Le Lan Chi</b> ; Nguyen Thi Lan   | 1. <i>Le Lan Chi</i> , Assurance of the Right to Substantive Equality for Women in Criminal Justice (Tr.97-122)<br>2. <i>Le Lan Chi, Tran Thu Hanh</i> , Rights of female prisoner comparison between the law of Vietnam and Germany (Tr.426-451) | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 10   | Death Penalty in Asia: Law and Practice (International Conference Proceedings)                 |                            | NXB. Khoa học xã hội, 2021<br>ISBN: 978-604-308-589-1                | 25 báo cáo khoa học của 40 tác giả | Sarah Biddulph; Sara Kowal; Nguyen Thi Que Anh; Vu Cong Giao; La Khanh Tung; <b>Le Lan Chi</b>   | <i>Le Lan Chi</i> , Death Penalty in Confucian Legal Culture in China and Vietnam (Tr.81-96)  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 11   | Combating Torture in Asia Law and Practice (International Conference Proceedings)              |                            | NXB. Khoa học xã hội, 2021<br>ISBN: 978-604-308-614-0                | 19 báo cáo khoa học của 26 tác giả | Sarah Biddulph; Sara Kowal; Jennifer Paneth; Nguyen Thi Que Anh; Vu Cong Giao; La Khanh Tung; <b>Le Lan Chi</b> ; Bui Tien Dat; Ngo Minh Huong | <i>Le Lan Chi</i> , Does an Evasion of Criminal Procedure Exist in the Traditional Legal Culture of Vietnam (Tr.114-131)  | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |

| TT  | Tên sách   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                     | Số tác giả                         | Chủ biên  | Phản biên soạn  | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|---|--|----------------------------|--|------------------------------------|---|---|---|
| <b>Sách Kỹ yếu Hội thảo trong nước có phản biện</b> |  |                            |  |                                    |   |   |   |
| 12  | Kỹ yếu Hội thảo: “Quy định Phần Chung Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và những vấn đề đặt ra   |                            | NXB. Tư pháp, 2022<br>ISBN: 978-604-81-2603-2                    | 26 báo cáo khoa học của 27 tác giả | Nguyễn Thị Quế Anh; Trịnh Tiến Việt; <b>Lê Lan Chi</b>                  | <i>Lê Lan Chi</i> , Chấp hành hình phạt – Phân định mối quan hệ giữa Luật hình sự, Luật thi hành án hình sự và Luật tố tụng hình sự (Tr.368-379)          | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 13  | Kỹ yếu Hội thảo: “Các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự Việt Nam: Quá trình tiếp biến và hoàn thiện”   |                            | NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, 2023<br>ISBN: 978-604-57-8756-4 | 21 báo cáo khoa học của 24 tác giả | Nguyễn Thị Quế Anh; Nguyễn Ngọc Chí; Trịnh Tiến Việt; <b>Lê Lan Chi</b> | <i>Lê Lan Chi</i> , Nguyên tắc bắt buộc truy tố trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa và sự thể hiện trong luật tố tụng hình sự Việt Nam (Tr.175-196) | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |
| 14  | Kỹ yếu Hội thảo: “Đổi mới tổ chức và hoạt động các cơ quan tư pháp hình sự Việt Nam từ năm 2002 đến nay và những vấn đề tiếp tục đặt ra (Kỹ yếu Hội thảo chuyên đề)” |                            | NXB. Tư pháp, 2023<br>ISBN: 978-604-81-2888-3                    |                                    | Nguyễn Thị Quế Anh; Trịnh Tiến Việt; <b>Lê Lan Chi</b> ; Mai Văn Thắng  | <i>Lê Lan Chi, Phí Thành Chung</i> , Sự hiện diện của người dân trong các chức năng của tố tụng hình sự: quá khứ và hiện tại (Tr. 154-171)                | Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, ĐHQGHN ngày 26/06/2023 |

\* Ngoài ra, ứng viên còn tham gia biên soạn 05 giáo trình và 01 sách chuyên khảo dưới đây là sách phục vụ đào tạo tại Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, ứng viên không sử dụng các sách này để đề nghị xét tiêu chuẩn PGS nếu Học viện Tư pháp được xác định không thuộc phạm vi cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Các công trình cụ thể như sau:

| TT                   | Tên sách                                    | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên         | Phần biên soạn   | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----------------------|---|----------------------------|------------------------------|------------|------------------|--|--|
| I                    | Trước khi được công nhận TS                 |                            |                              |            |                  |  |  |
| II                   | Sau khi được công nhận TS                   |                            |                              |            |                  |  |  |
| <b>Giáo trình</b>    |   |                            |                              |            |                  |  |  |
| <i>Tham gia viết</i> |   |                            |                              |            |                  |  |  |
| A.                   | Giáo trình Luật hình sự Việt Nam            | GT                         | NXB. Tư pháp, 2011           | 22         | Nguyễn Văn Huyền | Lê Lan Chi, Chương 13: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Tr. 379 – 394)  |  |
| B.                   | Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam    | GT                         | NXB. Tư pháp, 2011           | 13         | Nguyễn Văn Huyền | Lê Lan Chi, Chương 5: Biên bản, thời hạn, án phí (Tr.196 – 207); Chương 6: Khởi tố vụ án hình sự (đồng tác giả) (Tr.208 - 241); Chương 12: Thủ tục đặc biệt với người chưa thành niên (Tr.458 –479); Chương 15: Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự (Tr.509 – 529) |  |
| C.                   | Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự | GT                         | NXB. Tư pháp, 2012           | 22         | Nguyễn Văn Huyền | Lê Lan Chi viết Chương 6: Soạn thảo văn bản tố tụng và bài phát biểu quan điểm trong giai đoạn   |  |

| TT                      | Tên sách   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản              | Số tác giả | Chủ biên                           | Phần biên soạn  | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-------------------------|--|----------------------------|---|------------|------------------------------------|---|--|
|                         |  |                            |   |            |                                    | truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (Tr.433 - 522)  |  |
| D.                      | Giáo trình Kỹ năng tranh tụng của luật sư trong một số vụ án hình sự                             | GT                         | NXB. Tư pháp, 2016<br>ISBN: 9786048108878 | 19         | Nguyễn Văn Huyền                   | <i>Lê Lan Chi (đồng tác giả)</i> ,<br>Chương 2: Kỹ năng của Luật sư trong vụ án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Tr.46 – 103) |  |
| E.                      | Giáo trình Kỹ năng của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự (Phần đào tạo bắt buộc) | GT                         | NXB. Tư pháp, 2019<br>ISBN: 9786048116590 | 21         | Ngô Ngọc Vân;<br>Lê Thị Thúy Nga   | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương 10: Kỹ năng tham gia thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Tr.470 – 526)  |  |
| <b>Sách chuyên khảo</b> |  |                            |   |            |                                    |   |  |
| <i>Tham gia viết</i>    |  |                            |   |            |                                    |   |  |
| F.                      | Đạo đức nghề luật  | CK                         | NXB. Tư pháp, 2011                        | 13         | Phan Chí Hiếu;<br>Nguyễn Văn Huyền | <i>Lê Lan Chi</i> ,<br>Chương 2: Đạo đức, đạo đức nghề luật và văn hóa nghề luật (Tr.54–Tr.96);<br>Chương 4 (Đồng tác giả): Đạo đức nghề nghiệp của                     |  |

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn   | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|----------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|--|--|
|    |          |                            |                              |            |          | Kiểm sát viên (Tr.161 –189);<br>Chương 8 (Đồng tác giả):<br>Quy tắc đạo đức và ứng xử trong hành nghề luật tại một số quốc gia trên thế giới (Tr.275 -363) |  |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

- 01 cuốn sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản:

[4] - *Bảo đảm quyền của nạn nhân tội phạm và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự - Từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. ISBN: 9786045778661

- 03 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản:

1. [5] - Chương: “Уголовная ответственность за экономические преступления во Вьетнаме” (Tr.397- 429) trong Sách chuyên khảo: “Правовые основы бизнеса в России и Вьетнаме - Cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh ở Nga và Việt Nam”, Alexander Molotnikov; Nguyễn Thị Quế Anh, NXB. Статут, 2022, ISBN: 9785835417889 (do Đại học Tổng hợp Mat- xco-va mang tên Lô-mô-nô- sôv Liên bang Nga - Đại học xếp hạng thứ 78 (năm 2022) và thứ 75 (năm 2023) theo QS ranking tổ chức biên soạn và xuất bản).
2. [29] - Chương: “Life Imprisonment in Viet Nam: Reflections on Reforms from a Human Rights Perspective” (Tr. 329-353) trong Sách kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: “Life Imprisonment in Asia”, Dirk van Zyl Smit; Catherine Appelton; Giao Vucong, NXB. Palgrave Macmillan Publishing, 2022, ISBN: 978-981-19-4663-9.
3. [30] - Chương: “Traditional Concepts on “Sustainability” in Vietnamese Culture and the Impacts on Forming Modern Values of Sustainable Development (Tr.35-55) trong Sách kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: “Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies”, An Thinh Nguyen; Luc Hens, NXB. Springer Publishing, 2021, e-ISBN: 978-3-030-81443-4.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).



## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)   | CN/PCN/TK  | Mã số và cấp quản lý  | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu/Xếp loại KQ        |
|----|--|--|---|---------------------|---|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS  |  |   |                     |   |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS  |  |   |                     |   |
| 1  | Đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo các chức danh tư pháp tại Học viện Tư pháp - Thực trạng và giải pháp                          | Chủ nhiệm  | 04/2014/NCKH cấp Cơ sở: Học viện Tư pháp (QĐ số 87/QĐ-HVTP, ngày 17/2/2014)                 | 02/2014 - 12/2014   | 04/12/2014<br>Xếp loại kết quả Xuất sắc |
| 2  | Các thuyết của Tội phạm học cận - hiện đại và ý nghĩa đối với việc nhận diện nguyên nhân của tội phạm                                      | Chủ nhiệm  | KL.15.02 cấp Cơ sở: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (QĐ số 562/QĐ-KL, ngày 9/9/2015)      | 2015 – 2016         | 24/6/2016<br>Xếp loại kết quả Tốt       |
| 3  | Nghiên cứu điều kiện khả thi xây dựng chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành “Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm” ở Khoa Luật – ĐHQGHN | Chủ nhiệm  | KL.20.06 cấp Cơ sở: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (QĐ số 1446/QĐ-KL, ngày 16/11/2020)   | 2020-2021           | 10/11/2021<br>Xếp loại kết quả Tốt      |
| 4  | Hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Trường Đại học Luật thành viên ĐHQGHN theo định hướng tự chủ                                  | Đồng chủ nhiệm (PGS.TS. Trịnh Tiến Việt; TS. Lê Lan Chi) | KL.22.01 cấp Cơ sở: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (QĐ số 254/QĐ-KL, ngày 25/03/2022)    | 03/2022 – 11/2022   | 04/11/2022<br>Xếp loại kết quả Tốt      |
| 5  | Oan, sai trong tổ tụng hình sự Việt Nam và khu vực châu Á: So sánh và phân tích  | Chủ nhiệm  | KL.22.09.QT cấp Cơ sở: Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (QĐ số 890/QĐ-KL, ngày 08/08/2022) | 8/2022 – 01/2023    | 13/01/2023<br>Xếp loại kết quả Tốt      |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố**

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang           | Tháng, năm công bố |
|----------|--|------------|------------------|---|---|--|--------------------------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Trước khi được công nhận TS</b>   |            |                  |   |   |  |                          |                    |
|          | <i>Bài báo khoa học</i>  |            |                  |   |   |  |                          |                    |
| <b>1</b> | Một số ý kiến về hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự nhìn từ yêu cầu chuyển đổi Viện Kiểm sát thành Viện Công tố | 01         | X                | Nhà nước và Pháp luật<br>ISSN: 0866-7446        |   |  | Số 03 (215)<br>Tr. 73-75 | 2006               |
| <b>2</b> | Thực tế soạn thảo cáo trạng của Kiểm sát viên  | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 05<br>Tr. 31-37       | 2006               |
| <b>3</b> | Cải cách tư pháp – Những tiếp cận ban đầu từ góc độ văn hóa  | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 03 (9)<br>Tr. 22-25   | 2007               |
| <b>4</b> | Phân biệt khái niệm “Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự” với các khái niệm liên kề  | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 05 (11)<br>Tr. 49-53  | 2007               |
| <b>5</b> | Bàn về cơ sở của trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự  | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 05<br>Tr. 8-12        | 2008               |
| <b>6</b> | Bàn về nghề kiểm sát và đạo đức nghề kiểm sát  | 02         |                  | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 01<br>Tr. 12-18       | 2009               |
| <b>7</b> | Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án trong Luật tố tụng hình sự và vấn đề bảo đảm quyền con người trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự             | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 01<br>Tr. 32-36       | 2009               |
| <b>8</b> | Về hoàn thiện một số quy định trong chế định khởi tố vụ án của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003  | 01         | X                | Nghề luật<br>ISSN: 1859-4999                    |   |  | Số 04<br>Tr. 32-37       | 2009               |

|  |   |    |   |   |   |  |                           |      |
|--|---|----|---|---|---|--|---------------------------|------|
| 9  | Một số ý kiến về chức năng của tổ tụng hình sự trong việc quy định chủ thể hoạt động khởi tố và xử lý vụ án hình sự | 01 | X | Kiểm sát  |   |  | Số 15<br>Tr.21-23,32      | 2010 |
| 10   | Bàn về ranh giới giữa xử lý hình sự và xử lý hành chính các hành vi bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay            | 01 | X | Nhà nước và Pháp luật<br>ISSN: 0866-7446  |   |  | Số 1 (273)<br>Tr. 60-66   | 2011 |
| <b>II Sau khi được công nhận TS</b>                                |   |    |   |   |   |  |                           |      |
| <b>Bài báo khoa học</b>  |   |    |   |   |   |  |                           |      |
| - <i>Bài báo khoa học trên Tạp chí quốc tế uy tín (ISI-Scopus)</i> |   |    |   |   |   |  |                           |      |
| 11   | Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: a View from the Top and the Bottom of the Iceberg         | 06 | X | Asian Journal of Criminology<br>NXB: Springer<br>ISSN: 1871-0131 (print) / 1871-014X (online)                                       | DOI:<br>10.1007/s11417-022-09390-7<br>Web of Science/ISI (SSCI)<br>Scopus Q1<br>H-index (Scimago) 21<br>SJR: 0.63   |  | Suppl 1<br>Tr. 55-73      | 2022 |
| 12   | Wrongful convictions in Asian countries: A systematic literature review   | 06 | X | International Journal of Comparative and Applied Criminal Justice<br>NXB: Routledge<br>ISSN: 0192-4036 (print) / 2157-6475 (online) | DOI:<br>10.1080/01924036.2023.2188235<br>Web of Science/ISI (ESCI)<br>Scopus Q1<br>H-index (Scimago) 16<br>SJR 0.45 |  | Tr. 01-17                 | 2023 |
| 13   | The presence of the Defense Lawyer in Vietnam's Criminal Justice System: Substantive or Cosmetic?                   | 03 | X | Hasanuddin Law Review (Faculty of Law, Universitas Hasanuddin)<br>ISSN: 2442- 9880 (print) / 2442-9899 (online)                     | DOI:<br>10.20956/halrev.v.v9i1.4121<br>Web of Science/ISI (SSCI)<br>Scopus Q2<br>H-index (Scimago) 3<br>SJR 0.266   |  | Vol9 Issue 1<br>Tr. 20-38 | 2023 |
| - <i>Bài báo khoa học trên Tạp chí quốc tế khác:</i>               |   |    |   |   |   |  |                           |      |

|  |   |    |   |  |  |  |                            |      |
|--|---|----|---|--|--|--|----------------------------|------|
| 14   | Poor Organ Donation in Vietnam: Resulting from Beliefs, Religions, and Traditional Culture? How to Promote Organ Donation and to Deal with Organ Trading from a Legal Perspectives? | 01 | X | International Journal of Criminology and Sociology<br>NXB: Lifescience Global<br>ISSN: 1929-4409 | DOI:<br>10.6000/1929-4409.2021.10.141<br>H-index (Scimago) 8 |  | Vol.10,<br>Tr. 1212-1221   | 2021 |
| - Bài báo khoa học trên Tạp chí trong nước được HDGSNN tính điểm |   |    |   |  |  |  |                            |      |
| + Bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh                           |   |    |   |  |  |  |                            |      |
| 15   | Policy on Prisoners, Sex Offenders with Mental Disorders: Practice of Germany and Some Other Countries and Recommendations for Vietnam  | 01 | X | Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:<br>Luật học<br>ISSN: 2588-1167                                 |  |  | Số 4<br>Tr.11-24           | 2017 |
| 16   | Juvenile Victims in Vietnam Criminal Justice: Where to be and Where to go?  | 01 | X | Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:<br>Luật học<br>ISSN:2615-9333<br>e-ISSN: 2588-1167             |  |  | Tập 37, Số 02<br>Tr. 29-41 | 2021 |
| + Bài báo khoa học viết bằng tiếng Việt:                         |   |    |   |  |  |  |                            |      |
| 17   | Một số ý kiến bàn về mô hình tuyển dụng, đào tạo, tuyển chọn và bổ nhiệm kiểm sát viên  | 01 | X | Nghề luật<br>ISSN: 1859-3631   |  |  | Số 02<br>Tr.52-56          | 2012 |
| 18   | Xử lý hình sự đối với các hành vi xâm hại tình dục và các vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay   | 01 | X | Dân chủ và Pháp luật<br>ISSN: 9866-7535  |  |  | Số 11 (284)<br>Tr.15-19    | 2015 |
| 19   | Nhận diện hiện tượng sợ hãi tội phạm trong xã hội hiện đại  | 01 | X | Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:<br>Luật học<br>ISSN: 2588-1167                                 |  |  | Tập 32, Số 4<br>Tr.8-14    | 2016 |
| 20   | Triết lý về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử  | 02 |   | Tòa án nhân dân<br>ISSN: 1859-4875   |  |  | Số 4<br>Tr.36-41           | 2017 |
| 21   | Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự trong tiến  | 01 | X | Dân chủ và Pháp luật<br>ISSN: 9866-7535  |  |  | Số 4 (301)<br>Tr. 03-8     | 2017 |

|    |   |    |   |  |  |  |   |      |
|----|---|----|---|--|--|--|---|------|
|    | trình nội luật hóa Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác           |    |   |  |  |  |   |      |
| 22 | Một số điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình                              | 01 | X | Nghề luật<br>ISSN: 1859-3631                                     |  |  | Số chuyên đề Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017<br>Tr. 8-12 | 2017 |
| 23 | Mối quan hệ giữa hoạt động luật sư và thực hiện quyền tư pháp tại một số quốc gia trên thế giới                           | 01 | X | Nghề luật<br>ISSN: 1859-3631                                     |  |  | Số 6<br>Tr. 80-84   | 2017 |
| 24 | Toà án với vai trò bảo đảm quyền con người trong mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm theo Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 | 01 | X | Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:<br>Luật học<br>ISSN: 2588-1167 |  |  | Tập 34, Số 01<br>Tr. 56-62  | 2018 |
| 25 | Luật sư biện hộ trong lịch sử các mô hình tổ tụng hình sự trên thế giới và Việt Nam                                       | 01 | X | Nghề luật<br>ISSN: 1859-3631                                     |  |  | Số chuyên đề “Luật sư và đạo đức nghề Luật sư” năm 2018<br>Tr. 64-70        | 2018 |
| 26 | Một số vấn đề đặt ra đối với các nguyên tắc thi hành án hình sự theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019       | 01 | X | Luật học<br>ISSN: 0868-3522                                      |  |  | Số 11<br>Tr.15-24   | 2020 |
| 27 | Quyền của người thuộc cộng đồng LGBT+ và một số vấn đề đặt ra đối với tư pháp hình sự Việt Nam                            | 02 | X | Pháp luật về Quyền con người<br>ISSN: 2615-899X                  |  |  | Số 2(23)<br>Tr.47-55  | 2022 |
| 28 | Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong Luật tổ tụng hình sự Việt Nam                                 | 01 | X | Kiểm sát<br>ISSN: 0886-7357                                      |  |  | Số 18<br>Tr. 30-38  | 2022 |

|    |   |    |   |   |  |  |             |      |
|----|---|----|---|---|--|--|-------------|------|
|    | <b>Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội thảo</b> (ứng viên đánh số thứ tự các công trình thuộc nhóm “Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu hội thảo” và chú thích rõ công trình thuộc sách nào, theo số thứ tự nào trong mục “Sách Kỷ yếu Hội thảo quốc tế có phản biện” đã liệt kê ở trên để bảo đảm không trùng lặp) |    |   |   |  |  |             |      |
|    | - Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế có phản biện, xuất bản bằng tiếng Anh  |    |   |   |  |  |             |      |
|    | + Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế có phản biện, do Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản   |    |   |   |  |  |             |      |
| 29 | Life Imprisonment in Viet Nam: Reflections on Reforms from a Human Rights Perspective   | 01 | X | Life Imprisonment in Asia, NXB. Palgrave Macmillan ISBN: 978-981-19-4663-9  |  |  | Tr. 329-353 | 2022 |
| 30 | Traditional Concepts on “Sustainability” in Vietnamese Culture and the Impacts on Forming Modern Values of Sustainable Development  | 01 | X | Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies (International Conference Proceedings), NXB. Springer ISBN: 978-3-030-81442-7 e-ISBN: 978-3-030-81443-4 |  |  | Tr. 35-55   | 2021 |
|    | + Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế có phản biện, do Nhà xuất bản trong nước xuất bản:   |    |   |   |  |  |             |      |
| 31 | Policy on Enforcement of Imprisonment Sentences in Vietnam and China – from the Perspectives of Tradition, Constitution and Statutory Law   | 01 | X | 8th Asian Constitutional Law Forum “Asian Constitutional Law: Recent Developments and Trends”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN: 978-604-9969-04-1                                   |  |  | Tr. 405-418 | 2019 |
| 32 | State of Emergency, the Paternalistic and Criminal Justice: The Story of China and Vietnam  | 01 | X | Law on the State of Emergency (International Conference), NXB. Hồng Đức ISBN: 978-604-302-861-4   |  |  | Tr. 203-218 | 2020 |

|   |   |    |   |   |  |  |            |      |
|---|---|----|---|---|--|--|------------|------|
| <b>33</b>   | The Principle of Presumption of Innocence in the History of Criminal Procedure in Vietnam | 01 | X | Presumption of Innocence, (International Conference), NXB. Hồng Đức ISBN: 978-604-318-499-0   |  |  | Tr.482-497 | 2021 |
| <b>34</b><br>(STT 9 của mục “Sách Kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện”)  | Assurance of the Right to Substantive Equality for Women in Criminal Justice              | 01 | X | The Assurance of Women's Human Rights in Criminal Justice (International Workshop Proceedings), NXB. Chính trị quốc gia Sự thật ISBN: 978-604-57-7140-2 |  |  | Tr.97-122  | 2021 |
| <b>35</b><br>(STT 9 của mục “Sách Kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện”)  | Rights of female prisoner comparison between the law of Vietnam and Germany               | 02 | X | The Assurance of Women's Human Rights in Criminal Justice (International Workshop Proceedings), NXB. Chính trị Quốc gia ISBN: 978-604-57-7140-2         |  |  | Tr.426-451 | 2021 |
| <b>36</b><br>(STT 10 của mục “Sách Kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện”) | Death Penalty in Confucian Legal Culture in China and Vietnam                             | 01 | X | Death Penalty in Asia: Law and Practice (International Conference Proceedings), NXB. Khoa học xã hội ISBN: 978-604-308-589-1                            |  |  | Tr.82-96   | 2021 |
| <b>37</b><br>(STT 11 của mục “Sách Kỷ yếu hội thảo quốc tế có             | Does an Evasion of Criminal Procedure Exist in the Traditional Legal Culture of Vietnam   | 01 | X | Combating Torture in Asia Law and Practice (International Conference Proceedings), NXB. Khoa học xã hội ISBN: 978-604-308-614-0                         |  |  | Tr.114-131 | 2021 |

|  |   |    |   |  |  |  |             |      |
|--|---|----|---|--|--|--|-------------|------|
| phản<br>biện”)   |   |    |   |  |  |  |             |      |
| - Báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội thảo trong nước có phản biện, xuất bản bằng tiếng Việt |   |    |   |  |  |  |             |      |
| 38   | Chấp hành hình phạt –<br>Phân định mối quan<br>hệ giữa Luật hình sự,<br>Luật thi hành án hình<br>sự và Luật tố tụng<br>hình sự          | 01 | X | Quy định của Phân<br>chung Bộ luật hình<br>sự Việt Nam năm<br>2015 (sửa đổi, bổ<br>sung năm 2017) và<br>những vấn đề đặt ra,<br>NXB. Tư pháp<br>ISBN: 978-604-81-<br>2603-2  |  |  | Tr. 368-379 | 2022 |
| 39   | Phụ nữ bị tước tự do<br>trong tư pháp hình sự<br>Việt Nam: Nhìn từ<br>phương pháp tiếp cận<br>quyền                                     | 01 | X | Cải cách tư pháp<br>trong lĩnh vực tư<br>pháp hình sự,<br>NXB. Tư pháp<br>ISBN: 978-604-81-<br>2885-2  |  |  | Tr.72-87    | 2023 |
| 40   | Nguyên tắc bắt buộc<br>truy tố trong hệ thống<br>pháp luật xã hội chủ<br>nghĩa và sự thể hiện<br>trong luật tố tụng<br>hình sự Việt Nam | 01 | X | Các nguyên tắc của<br>luật tố tụng hình sự<br>Việt Nam: Quá trình<br>tiếp biến và hoàn<br>thiện,<br>NXB. Chính trị<br>quốc gia Sự thật<br>ISBN: 978-604-57-<br>8756-4  |  |  | Tr. 175-196 | 2023 |
| 41   | Sự hiện diện của<br>người dân trong các<br>chức năng của tố tụng<br>hình sự: quá khứ và<br>hiện tại                                     | 02 | X | “Đổi mới tổ chức và<br>hoạt động các cơ<br>quan tư pháp hình<br>sự Việt Nam từ năm<br>2002 đến nay và<br>những vấn đề tiếp<br>tục đặt ra (Kỷ yếu<br>Hội thảo chuyên<br>đề)”<br>NXB. Tư pháp<br>ISBN: 978-604-81-<br>2888-3 |  |  | Tr. 154-171 | 2023 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **03** (các bài báo số [11], [12], [13])

- [11] Lan Chi, Le & Hoang, Yen & Bui, Hang & Duc, Nguyen & Mai, Son & Luong, Hai. (2022). *Understanding Causes for Wrongful Convictions in Vietnam: a View from the Top and the Bottom of the Iceberg. Asian Journal of Criminology*. 17. 1-19. 10.1007/s11417-022-09390-7. *Web of Science/ISI (SSCI); Scopus Q1*
- [12] Lan Chi, Le & Hoang, Yen & Bui, Hang & Duc, Nguyen & Mai, Son & Luong, Hai. (2023). *Wrongful convictions in asian countries: A systematic literature review. International Journal of*



Comparative and Applied Criminal Justice. 1-17. 10.1080/01924036.2023.2188235. *Web of Science/ISI (ESCI); Scopus Q1*

- [13] Chi, Le Lan, Nguyen Thi Lan, and Nguyen Hoang Ngan. "The Presence of the Defense Lawyer in Vietnam's Criminal Justice System: Substantive or Cosmetic?" *Hasanuddin Law Review* 9, no. 1 (2023): 20-38. DOI: 10.20956/halrev. v9i1.4121. *Web of Science/ISI (SSCI); Scopus Q2*

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |  |                 |                    |                            |            |
| 2   |  |                 |                    |                            |            |
| ... |  |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1   |  |                           |  |                                  |            |
| 2   |  |                           |  |                                  |            |
| ... |  |                           |  |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế**

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)   | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế                              | Ghi chú |
|----|---|---------------------------------|--|------------------------------------|--|---------|
|    |   | Tham gia chỉnh sửa chương trình |  | Đại học Quốc gia Hà Nội            | Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về việc điều chỉnh |         |

|   |   |   |  |   |   |   |
|---|---|---|--|---|---|---|
| 1 | Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (định hướng nghiên cứu) của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội |   |  |   | <p>các CTĐT trình độ Thạc sĩ năm 2022 ngày 20 tháng 06 năm 2022</p> <p>Quyết định số 2875/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/8/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)”</p> | <p><i>Bản xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ thực hiện đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày 26/06/2023</i></p> |
|   |   | <p>Tham gia Hội đồng Tự đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn của AUN-QA (Phó trưởng nhóm chuyên gia)</p> | <p>Quyết định số 480/QĐ-KL ngày 11/05/2022 của Chủ nhiệm Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội</p>  | <p>ASEAN University Network</p>           | <p>AUN-QA Assessment Report The 322nd AUN-QA Programme Assessment (21-23 March 2023) Xác nhận đạt chuẩn (<i>Adequate as Expected</i>)</p>   |   |
| 2 | Chương trình đào tạo trình độ đại học của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội   | <p>Tham gia biên soạn đề cương các học phần thực tế, kiến tập, thực tập cuối khóa</p>                   | <p>Quyết định số 236/QĐ-KL ngày 15/03/2021 của Chủ nhiệm Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội</p>  | <p>Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội</p> |   | <p><i>Bản xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ thực hiện đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày 26/06/2023</i></p>            |
| 3 | Chương trình đào tạo Chất lượng cao trình độ Đại học ngành Luật học thu học phí theo chi phí đào tạo & Đảm bảo chất lượng (TT23) của Khoa         | <p>Tham gia thẩm định đề cương của các học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh</p>                            | <p>Quyết định số 1356/QĐ-KL ngày 29/10/2020 của Chủ nhiệm Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội</p> | <p>Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội</p> |   | <p><i>Bản xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ thực hiện đào tạo và nghiên cứu khoa học của</i></p>                                       |

|   |  |                        |  |  |  |   |
|---|--|------------------------|--|--|--|---|
|   | Luật Đại học Quốc gia Hà Nội   |                        |  |  |  | <i>giảng viên ngày 26/06/2023</i>   |
| 4 | Các chương trình đào tạo Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ năm 2023 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Tham gia Ban chính sửa | Quyết định số 423/QĐ-KL ngày 14/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội |  | <i>Bản xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ thực hiện đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên ngày 26/06/2023</i> |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế nếu UV được xác định không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định.

[5] – *Le Lan Chi*, Chương: “Уголовная ответственность за экономические преступления во Вьетнаме - Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm về kinh tế ở Việt Nam” (Tr.397- 429) trong Sách chuyên khảo: “Правовые основы бизнеса в России и Вьетнаме - Cơ sở pháp lý của hoạt động kinh doanh ở Nga và Việt Nam”; Alexander Molotnikov, Nguyễn Thị Quế Anh; NXB. Статут, 2022, ISBN: 9785835417889;

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

*Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

*Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



*Lê Lan Chi*